

Tên: .....

Lớp: S5...

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Từ vựng & Ngữ pháp: .....

Nghe: .....

Mini test: .....



## GLOBAL ENGLISH 5

### Unit 4: Special occasions - Vocabulary 2 & KET Speaking

#### A. VOCABULARY

##### ❖ Maths

| No. | New word            | Meaning | No. | New word                | Meaning              |
|-----|---------------------|---------|-----|-------------------------|----------------------|
| 1   | <b>divide</b> (v)   | chia    | 4   | <b>calculate</b> (v)    | tính toán            |
| 2   | <b>subtract</b> (v) | trừ     | 5   | <b>work out</b> (phr.v) | giải, tìm ra kết quả |
| 3   | <b>add</b> (v)      | cộng    |     |                         |                      |

##### ❖ Others

| No. | New word                        | Meaning              | No. | New word                        | Meaning                      |
|-----|---------------------------------|----------------------|-----|---------------------------------|------------------------------|
| 1   | <b>tradition</b> (n)            | truyền thống         | 7   | <b>moody</b> (adj)              | dễ thay đổi cảm xúc, hay cáu |
| 2   | <b>pastry</b> (n)               | bánh ngọt/bánh nướng | 8   | <b>weepy</b> (adj)              | dễ khóc, mau nước mắt        |
| 3   | <b>be filled with</b> (adj.phr) | chứa đầy, đầy ắp     | 9   | <b>tough</b> (adj)              | mạnh mẽ, kiên cường          |
| 4   | <b>sticky rice</b> (n)          | xôi, gạo nếp         | 10  | <b>anxious</b> (adj)            | lo lắng, bồn chồn            |
| 5   | <b>stare at</b> (phr.v)         | nhìn chăm chăm vào   | 11  | <b>bad-tempered</b> (adj)       | nóng tính, dễ cáu gắt        |
| 6   | <b>jolly</b> (adj)              | vui vẻ, vui tính     | 12  | <b>get into trouble</b> (phr.v) | gặp rắc rối, bị phiền toái   |

##### ❖ Extra vocabulary

| No. | New word                 | Meaning                  | No. | New word                   | Meaning            |
|-----|--------------------------|--------------------------|-----|----------------------------|--------------------|
| 1   | <b>filling</b> (n)       | nhân (trong bánh, kẹo)   | 3   | <b>unforgettable</b> (adj) | khó quên, đáng nhớ |
| 2   | <b>calm down</b> (phr.v) | bình tĩnh lại, trấn tĩnh | 4   | <b>butcher</b> (n)         | người bán thịt     |

❖ **Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ;*  
*adj = adjective: tính từ; adj.phr = adjective phrase: cụm tính từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

#### B. HOMEWORK

##### I. Fill in the blanks with the correct words in the box.

|               |          |         |          |       |        |
|---------------|----------|---------|----------|-------|--------|
| <i>divide</i> | subtract | anxious | stare at | weepy | pastry |
|---------------|----------|---------|----------|-------|--------|

0. We can divide 12 by 3 to get 4.

1. She felt ..... before the big exam.

2. My sister is a ..... girl. She cries a lot when watching sad movies.

3. If you ..... 5 from 10, you get 5.

4. We made a delicious ..... with sweet filling for dessert.

5. The teacher asked us not to ..... our phones during class.

## II. Read the text and choose the correct answers.

### The Camping Trip

Last month, our class went on a two-day camping trip to Ba Vi Mountain. Everyone was so excited and (0) ..... about it. When we arrived, the air was fresh and (1) ..... the smell of flowers and trees.

The teachers asked us to climb a small hill and collect firewood. It wasn't easy, but Nam was really (2) ..... and helped everyone carry heavy bags. In the evening, we made a big campfire and told stories. Minh was very (3) ..... when he talked about his memories.

The next morning, Lan became a little (4) ..... because she couldn't find her jacket. She almost (5) ..... when she argued with her friend about it. Luckily, our teacher helped them calm down, and they became friends again. It was an unforgettable trip for all of us!

- |    |                     |                     |                 |
|----|---------------------|---------------------|-----------------|
| 0. | <u>A.</u> jolly     | B. moody            | C. tough        |
| 1. | A. get into trouble | B. bad-tempered     | C. filled with  |
| 2. | A. calculate        | B. tough            | C. add          |
| 3. | A. weepy            | B. sticky rice      | C. tradition    |
| 4. | A. moody            | B. work out         | C. jolly        |
| 5. | A. subtract         | B. got into trouble | C. bad-tempered |

## III. Choose from the boxes and write sentences:

- A ... is a person who ... .
- A ... is a thing which ... .
- A ... is a place where ... .

|                  |        |
|------------------|--------|
| <del>thief</del> | guitar |
| butcher          | zoo    |
| supermarket      | book   |

|                 |                          |
|-----------------|--------------------------|
| sells meat      | we can see animals       |
| makes music     | <del>steals things</del> |
| people buy food | we can read              |

0. A thief is a person who steals things.

1. A butcher is a person .....
2. A supermarket is a place .....
3. A guitar is a thing .....
4. A zoo .....
5. A book .....

**Part 2****Questions 6 - 10**

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a coach telling some boys and girls about a boat race.

**SCHOOL BOAT RACE**

- When: *tomorrow*
- Starting time: (6) \_\_\_\_\_
- Clothes you need: (7) \_\_\_\_\_
- Day of young children's race: (8) \_\_\_\_\_
- First prize: (9) \_\_\_\_\_
- Souvenir for all students: (10) \_\_\_\_\_





Con làm bài nghe theo link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk\\_test-3\\_part-3](https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk_test-3_part-3)



### Part 3

#### Questions 11 - 15

For each question, choose the correct answer.

You will hear Nelly and Bart talking about school uniforms.

---

#### 11. Why have Nelly and Bart not met for a long time?

- A. He was in a foreign country.
- B. She changed school.

#### 12. Why is Nelly wearing a school uniform?

- A. Her own clothes are too old.
- B. She goes to a different school now.

#### 13. What does Nelly think about uniforms?

- A. They are boring.
- B. She thinks they are useful.

#### 14. Why doesn't Bart like uniforms?

- A. He thinks uniforms are too different.
- B. He thinks everyone looks the same in a uniform.

#### 15. How does Nelly feel about her clothes?

- A. She would like to wear them to school sometimes.
- B. She only wants to wear them on Sundays and Saturdays.